

Số: 03 /NQ-HĐQT

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 04 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang ngày 26 tháng 12 năm 2014;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang được tổ chức vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 27 tháng 4 năm 2017 tại Hội trường Trung tâm Hội nghị tỉnh Khánh Hòa – 46 Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền là 553 cổ đông, với tổng số 5.881.300 cổ phần và đại diện 99,92% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đã nhất trí như sau:

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (tài liệu đính kèm), với một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	143,9	157,7	109,57
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	139,1	148,06	106,42
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,8	9,6	200,1
4	Cổ tức	%	4,38	8,615	196,78

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2016 của Hội đồng quản trị và Kế hoạch định hướng năm 2017 (tài liệu đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 (tài liệu đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty (tài liệu đính kèm).



Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2016 và phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, dự kiến mức trả cổ tức năm 2017 cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2016 :

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	9.663.860.571
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.061.179.583
3	Lợi nhuận sau thuế (3= 1-2)	7.602.680.988
4	Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (2% lợi nhuận sau thuế)	152.054.000
5	Phân chia lợi nhuận :	
	Quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế)	1.140.402.000
	Quỹ khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế)	760.268.000
	Quỹ phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	380.134.000
	Lợi nhuận còn lại	5.169.822.988
6	Cổ tức chi trả năm 2016 (8,615%)	5.169.000.000
7	Cổ tức/cổ phần	861,5
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	822.988
9	Liên quan đến cổ đông nhà nước	
	Tỉ lệ cổ phần nhà nước đang nắm giữ (3.704.100/6.000.000)	61.74%
	Cổ tức được chi cho cổ đông nhà nước	3.191.082.150

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

Dự kiến tỉ lệ chia cổ tức năm 2017: 7,706%

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	8.500.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.700.000.000

3	Lợi nhuận sau thuế (3= 1-2)	6.800.000.000
4	Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (2% lợi nhuận sau thuế)	136.000.000
5	Phân chia lợi nhuận :	
	Quỹ đầu tư phát triển (15% lợi nhuận sau thuế)	1.020.000.000
	Quỹ khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế)	680.000.000
	Quỹ phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	340.000.000
	Lợi nhuận còn lại	4.624.000.000
6	Cổ tức chi trả năm 2017 (7,706%)	4.623.600.000
7	Cổ tức/cổ phần	770,6
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	400.000
9	Liên quan đến cổ đông nhà nước	
	Tỉ lệ cổ phần nhà nước đang nắm giữ (3.704.100/6:000.000)	61.74%
	Cổ tức được chi cho cổ đông nhà nước	2.621.021.160

Điều 6. Thông qua Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2017 (tài liệu đính kèm).

Điều 7. Thông qua Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang đã sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2014, với các nội dung sửa đổi sau:

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 1 Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau : b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>60/2005/QH11</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>29</u> tháng 11 năm 2005;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau : b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>26</u> tháng 11 năm <u>2014</u> ;	Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014.
Điều 2 Tên, hình thức, trụ	4. Chủ tịch Hội Đồng Quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty;	4. <u>Tổng Giám Đốc</u> là đại diện theo pháp luật của Công ty;	Sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế

12/12/2017

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty			<i>Công ty và với Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	2. Công ty kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 6 Vốn điều lệ, cổ phần	6.... Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán của công ty cổ phần.	6.... Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán của công ty cổ phần.	<i>Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần được quy định ở nhiều điều khoản khác nhau tại Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 13 Quyền của cổ đông	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	<i>Chỉnh sửa tham chiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 15 Đại hội đồng cổ đông	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít số thành viên mà luật pháp quy định; e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014.</i> <i>Chỉnh sửa tham chiếu theo quy định của Luật</i>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật <u>Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>tương rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật <u>Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p><i>doanh nghiệp 2014.</i></p>
	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật <u>Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>khoản 5 Điều 136</u> Luật <u>Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy</p>	<p><i>Chỉnh sửa điểm a khoản 4 để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Tuy nhiên khoản 4 Điều 136 Luật <u>Doanh nghiệp 2014</u> không quy định đối với trường hợp triệu tập họp ĐHDCĐ trong vòng 30 ngày khi số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại dự thảo điểm c khoản 3 Điều này.</i></p> <p><i>Chỉnh sửa tham chiếu theo quy định của Luật <u>Doanh nghiệp 2014</u>.</i></p>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Luật Doanh nghiệp;	định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	
Điều 16 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên ;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014.</i></p>
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>k. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>m. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>k. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>m. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị lớn hơn</p>	<p><i>Đề xuất sửa đổi theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014</i></p> <p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.</i></p>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	
Điều 19 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông</u>; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>không sớm hơn năm (5) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>; chương trình họp và tài liệu theo quy định phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty;</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: "Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn"</i></p>
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <u>ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</u>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</u>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014</i></p>
Điều 20 Các điều kiện tiến	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 144 Luật</i></p>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><i>Doanh nghiệp 2014.</i></p>
<p>Điều 21 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết <u>một thẻ biểu quyết</u>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.</u> Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số</p>	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết <u>một thẻ biểu quyết hoặc phiếu biểu quyết</u>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số</p>	<p><i>Chỉnh sửa để thuận tiện trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</i></p>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 22 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có <u>từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết</u> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có <u>từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết</u> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có <u>từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết</u> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, <u>thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu quản lý công ty</u>, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có <u>từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết</u> của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.</i></p>

11
146
147
148
149
150

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	2. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u> chấp thuận	2. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u> chấp thuận	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 4 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 23 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại <u>khoản 2 Điều 104</u> Luật Doanh nghiệp.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại <u>khoản 2 Điều 143</u> Luật Doanh nghiệp.	<i>Chỉnh sửa tham chiếu theo quy định Luật Doanh nghiệp</i>
	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.</i>
	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 4 Điều 144 Luật</i>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 25 Yêu cầu hủy bỏ quyết định	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc</u> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ</u> này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 19 Điều lệ này</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là <u>năm (05) người</u> . <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm</u> . Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là <u>bảy (07) người</u> . Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	<i>Bỏ nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vì Luật Doanh nghiệp 2014 không còn quy định về nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</i>
Điều 27 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. <u>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và</u>	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. <u>Quyết định chiến lược,</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2014.</i>

11/11/2014

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	ngân sách hằng năm;	<u>kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</u>	
	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: c. Trong phạm vi quy định tại <u>khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp</u> và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	<i>Chỉnh sửa tham chiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.</u>	1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2014 (vì công ty có vốn nhà nước trên 50%)</i>
Điều 29 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn <u>mười lăm (15) ngày</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong <u>thời hạn bảy (07) ngày làm việc</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 5 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014.</i>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất năm (05) ngày</u> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất ba (03) ngày làm việc</u> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 6 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.</i>
	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>mười lăm (15) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>bảy (07) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 8 Điều 153 Luật</i>
Điều 34 Thành viên Ban kiểm soát	Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát 2. <u>Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u>	Điều 34. Kiểm soát viên 2. <u>Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</u>	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp 2014 (vì công ty có vốn nhà nước trên 50%).</i>
	4. <u>Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban.</u> <u>Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</u> Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau :	4. <u>Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.</u> Trưởng ban kiểm soát phải là <u>kế toán viên hoặc kiểm toán viên và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014</i>

11/2014
 10/2014
 10/2014

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		các quyền và trách nhiệm sau:	
Điều 35 Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát	1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 123 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	<i>Chỉnh sửa tham chiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014</i>
Điều 38 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát	1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm <u>thành viên Ban kiểm soát</u> theo quy định tại <u>Điều 122 của Luật Doanh nghiệp</u> ;	1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm <u>Kiểm soát viên</u> theo quy định tại <u>Điều 164 của Luật Doanh nghiệp</u> ;	<i>Chỉnh sửa tham chiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.</i>
Điều 40 Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ <u>dưới 20% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời,	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ <u>dưới 35% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan.	<i>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 2 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014.</i>

ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35%</u> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	
<p>Điều 43 Phân phối lợi nhuận</p>	<p>7. Trích lập các quỹ và chia cổ tức, trên cơ sở tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo thứ tự như sau:</p> <p>c. Trích quỹ dự phòng tài chính: Hàng năm Công ty phải trích tối đa 5% lợi nhuận sau thuế để hình thành quỹ dự phòng tài chính cho đến lúc quỹ này bằng 10% vốn điều lệ;</p> <p>e. Trích lập quỹ khen thưởng tối đa 10% lợi nhuận sau thuế và quỹ phúc lợi tối đa 5% lợi nhuận sau thuế;</p>	<p>7. Trích lập các quỹ và chia cổ tức, trên cơ sở tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo thứ tự như sau:</p> <p>c. bỏ</p> <p>e. Trích lập quỹ khen thưởng tối đa 15% lợi nhuận sau thuế và quỹ phúc lợi tối đa 5% lợi nhuận sau thuế;</p>	

Ghi chú : Sửa đổi thuật ngữ "thành viên Ban kiểm soát" thành "Kiểm soát viên" theo Luật Doanh nghiệp 2014

Điều 8. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang là 07 người và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.



Điều 9. Bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2015 – 2020 gồm :

1. Ông: Bùi Văn Khánh
2. Ông: Nguyễn Hùng Thanh
3. Ông Võ Tường Trọng

Điều 10. Hội đồng quản trị bầu chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Ông: Nguyễn Thành Tây giữ chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang giao thành viên Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội ./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 ;
- Các cổ đông;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
HỒ NGỌC AN